

CÁC QUY ĐỊNH CỦA HIẾN PHÁP NĂM 2013 VỀ BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI TRONG LĨNH VỰC TƯ PHÁP HÌNH SỰ

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HOA

Khoa Luật Hình sự, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh
Faculty of Criminal Law, Ho Chi Minh City University of Law

Email: ntphoa@hcmulaw.edu.vn

NGUYỄN PHƯƠNG THẢO

Khoa Luật Hình sự, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh
Faculty of Criminal Law, Ho Chi Minh City University of Law

Email: npthao_hs@hcmulaw.edu.vn

Tóm tắt

Hiến pháp năm 2013 đã tạo ra cơ sở pháp lý tối cao cho việc bảo vệ quyền con người ở Việt Nam nói chung và quyền con người trong lĩnh vực tư pháp hình sự nói riêng. Bài viết phân tích các quy định của Hiến pháp năm 2013 về bảo vệ quyền con người trong lĩnh vực tư pháp hình sự. Trên cơ sở so sánh với chuẩn mực quốc tế về quyền con người, tham khảo Hiến pháp một số nước, bài viết đề xuất hoàn thiện quy định của Hiến pháp năm 2013 liên quan đến bảo vệ quyền con người trong lĩnh vực tư pháp hình sự.

Từ khóa: Hiến pháp, bảo vệ quyền con người, tư pháp hình sự

Abstract

The 2013 Constitution has established foundational legal principles that are crucial for the protection of human rights in Vietnam, both broadly and specifically within the realm of criminal justice. This article analyzes the mechanisms employed to protect human rights within the framework of criminal justice as stipulated by the 2013 Constitution. By drawing upon international benchmarks for human rights in criminal justice and referencing constitutional frameworks from diverse nations, this article advances recommendations to refine the 2013 Constitution provisions concerning the protection of human rights within the field of criminal justice.

Keywords: Constitution, the protection of human rights, criminal justice

Ngày nhận bài: 01/01/2024

Ngày duyệt đăng: 15/01/2024

Hiến pháp năm 2013 đã khắc một dấu ấn tích cực trong lịch sử lập hiến của Việt Nam về việc bảo vệ quyền con người, khi lần đầu tiên dành riêng một chương để quy định về quyền con người và quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân, trong đó bao gồm các quyền con người đặc thù thuộc lĩnh vực tư pháp hình sự. Thuật ngữ “tư pháp hình sự” (*criminal justice*) được sử dụng phổ biến trong các tài liệu khoa học trong và ngoài nước,¹ nhưng đến nay vẫn chưa có định nghĩa thống

1 Ví dụ: Larry J. Siegel và John L. Worrall, *Introduction to Criminal Justice (13th Edition)*, Wadworth Cengage Learning Publishing, 2012; William J. Stuntz, *The Collapse of American Criminal Justice*, 2011; Lê Văn Cẩm “Những vấn đề chung về bảo vệ quyền con người bằng pháp luật trong lĩnh vực tư pháp hình sự”, *Tạp chí Khoa học Pháp lý*, số 6, 2010; Trần Ngọc Hải, “Quyền con người trong tư pháp hình sự”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, số 6, 2021; Luật về tư pháp hình sự đối với người trẻ tuổi (*Youth Criminal Justice Act*) của Canada; Luật tư pháp hình sự của Bang Georgia, Hoa Kỳ. Việt Nam cũng đang nghiên cứu xây dựng Luật về tư pháp hình sự, xem: Đỗ Thị Phương, “Luật Tư pháp và tư pháp hình sự đối với người chưa thành niên ở một số nước Đông Nam Á và kinh nghiệm xây dựng luật cho Việt Nam” trong quyển sách Nguyễn Thị Phương Hoa, Lê Huỳnh Tấn Duy (chủ biên), *Tư pháp hình sự đối với người chưa thành niên*, Nxb Công an nhân dân TP. Hồ Chí Minh, 2022, tr. 395 - 414.

nhất. Thuật ngữ “tư pháp hình sự” (“TPHS”) theo quan điểm hiện đại được cho là xuất hiện lần đầu vào những năm 1950,² là những thiết chế để bảo vệ cộng đồng, duy trì trật tự xã hội, bảo đảm thực thi pháp luật, đưa người phạm tội ra trước công lý.³ Theo một số tài liệu nước ngoài, TPHS được hiểu một cách chung nhất là kiểm soát và phòng ngừa tội phạm, gồm: xác định người phạm tội, truy cứu và xét xử người phạm tội, áp dụng đa dạng các biện pháp hiệu quả để xử lý tội phạm.⁴ Ở Việt Nam, dù được sử dụng phổ biến trong khoa học, thuật ngữ này không được giải thích trong các từ điển Luật học, bao gồm từ điển của Viện khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp.⁵ Vì vậy, trong bài viết này, TPHS được tiếp cận từ góc độ chung nhất như thể hiện trong các tài liệu nước ngoài đã nêu.

Theo Hội đồng Châu Âu, TPHS là một yếu tố trung tâm của mỗi hệ thống quốc gia trong việc bảo vệ quyền con người.⁶ Chúng tôi đồng thuận với quan điểm này bởi lẽ hành vi vi phạm quyền con người có thể xảy ra ở các mức độ khác nhau, trong đó ngăn chặn, xử lý những hành vi vi phạm quyền con người ở mức độ nguy hiểm đáng kể là nhiệm vụ của hệ thống TPHS.

Điều 14 của Hiến pháp năm 2013 của Việt Nam khẳng định việc công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người theo Hiến pháp và pháp luật. “Công nhận” quyền con người là ghi nhận chính thức các quyền này trong Hiến pháp và pháp luật, thừa nhận về mặt pháp lý đối với các quyền con người. Trong khi đó, “bảo vệ” các quyền này có nghĩa là ngăn ngừa, xử lý những hành vi vi phạm quyền con người.⁷

Trong lĩnh vực TPHS, người phạm tội, nạn nhân của tội phạm và những cá nhân có liên quan trong việc giải quyết vụ án hình sự có những quyền con người cơ bản mà chủ yếu là các quyền dân sự, chính

2 Larry J. Siegel, John L. Worrall, *tlđđ*, tr. 6.

3 Larry J. Siegel, John L. Worrall, *tlđđ*, tr. 4.

4 Larry J. Siegel, John L. Worrall, *tlđđ*, tr. 6; Chaudhary Shruti, “Indian Criminal Justice System and Human Rights”, *International Journal of Advance Research and Development*, Vol. 3, Issue. 1, 2018, tr. 271.

5 Viện Khoa học pháp lý của Bộ Tư pháp, *Từ điển Luật học*, Nxb. Từ điển Bách Khoa và Nxb. Tư pháp, 2006; Nguyễn Hữu Quỳnh (Chủ biên), *Từ điển Luật học*, Nxb. Từ điển Bách Khoa, 1999; Nguyễn Ngọc Diệp, *Từ điển pháp luật Việt Nam*, Nxb. Thế Giới, 2020.

6 Council of Europe, “Criminal Justice Reform”, <https://www.coe.int/en/web/national-implementation/thematic-work/criminal-justice-reform>, truy cập ngày 12/12/2023.

7 Về nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người của các quốc gia, xem: United Nations, “International Human Rights Law”, <https://www.ohchr.org/en/instruments-and-mechanisms/international-human-rights-law#:~:text=The%20obligation%20to%20respect%20means,groups%20against%20human%20rights%20abuses>, truy cập 18/12/2023. Xem thêm về khái niệm bảo đảm, bảo vệ quyền con người tại: Nguyễn Đăng Dung, Vũ Công Giao, Lê Khánh Tùng, *Giáo trình lý luận và pháp luật về quyền con người*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2015, tr. 83-84; Phạm Hồng Thái và Nguyễn Thị Thu Hương, “Bảo đảm, bảo vệ quyền con người quyền công dân trong pháp luật hành chính Việt Nam (Một số vấn đề có tính phương pháp luận định hướng nghiên cứu)”, *Tap chí Luật học*, số 28, 2012, tr. 2.

trị,⁸ ví dụ: quyền bình đẳng trước pháp luật, quyền được xét xử công bằng... Bên cạnh những quyền con người chung trong các lĩnh vực, các chủ thể cũng có những quyền rất đặc thù, như: quyền được suy đoán vô tội, quyền bào chữa, quyền không bị kết án hai lần về cùng một tội phạm. Trong bài viết này, dựa trên các chuẩn mực quốc tế về quyền con người và tham khảo Hiến pháp của một số quốc gia, chúng tôi phân tích, đánh giá các vấn đề sau: (i) Hiến pháp năm 2013 bảo vệ các quyền con người trong lĩnh vực TPHS như thế nào? (ii) Các quy định của Hiến pháp năm 2013 đã hợp lý chưa và nếu chưa, cần được sửa đổi, bổ sung như thế nào?

1. Các quy định của Hiến pháp năm 2013 bảo vệ quyền con người trong lĩnh vực tư pháp hình sự

Trong các chuẩn mực quốc tế về quyền con người, các nước thành viên có trách nhiệm bảo vệ quyền con người khỏi những vi phạm.⁹ Để thực hiện nghĩa vụ bảo vệ quyền con người, Nhà nước phải nghiêm cấm việc vi phạm quyền con người và khi có vi phạm xảy ra thì Nhà nước phải áp dụng những biện pháp cần thiết để xử lý các hành vi vi phạm. Với tư cách là đạo luật gốc, có giá trị pháp lý cao nhất trong hệ thống pháp luật; Hiến pháp có vai trò rất quan trọng đối với việc bảo vệ quyền con người nói chung và quyền con người trong lĩnh vực TPHS nói riêng. Hiến pháp quy định những vấn đề quan trọng nhất của bảo vệ quyền.

Thứ nhất, Hiến pháp tạo ra cơ sở pháp lý tối cao cho việc bảo vệ quyền con người (khoản 1 Điều 14 của Hiến pháp năm 2013). Dựa trên tôn chỉ của Hiến pháp, các đạo luật quan trọng trong lĩnh vực TPHS, bao gồm luật hình sự, luật tố tụng hình sự và luật thi hành án hình sự, tiếp tục cụ thể hóa việc bảo vệ quyền con người. Bên cạnh đó, Hiến pháp cũng đặt ra các điều kiện để giới hạn những trường hợp hạn chế quyền con người (khoản 2 Điều 14 của Hiến pháp năm 2013), vốn cũng nhằm mục tiêu bảo vệ quyền con người.¹⁰ Cụ thể, các quyền được phân loại là “quyền tuyệt đối” không thể bị hạn chế trong bất cứ điều kiện, hoàn cảnh nào.¹¹ Các quyền khác chỉ được hạn chế trong những giới hạn quy định bởi luật quốc gia; đồng thời, sự hạn chế đặt ra không

8 Nguyễn Khắc Hải, “Quyền con người trong tư pháp hình sự”, *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, số 6(351), 2021, tr. 38.

9 Điều 2 của Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966.

10 Điều 14 của Hiến pháp năm 2013 sử dụng thuật ngữ “hạn chế” quyền con người. Một số tài liệu khoa học dùng thuật ngữ “giới hạn” quyền con người, xem: Nguyễn Đăng Dung, Phạm Hồng Thái, Vũ Công Giao, Lê Khánh Tùng, *Hỏi đáp về quyền con người*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, 2012, tr. 69-70.

11 Điều 5 của Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966. Các quyền cụ thể được ghi nhận tại các Điều 6, 7, 8 (các khoản 1 và 2), 11, 15, 16 và 18 của Công ước này.

được trái với bản chất của các quyền bị giới hạn để bảo đảm khả năng thụ hưởng quyền, chỉ hạn chế quyền con người nếu điều đó là cần thiết trong một xã hội dân chủ và nhằm thúc đẩy phúc lợi chung của cộng đồng.¹² Hiến pháp năm 2013 cũng yêu cầu việc hạn chế quyền phải được quy định trong luật, không được tùy tiện mở rộng. Đây là sự bảo vệ quan trọng của Hiến pháp đối với quyền con người nói chung và quyền con người trong lĩnh vực TPHS nói riêng, bởi lẽ trong quá trình đấu tranh với tội phạm nhằm bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự và an toàn xã hội, Nhà nước có thể hạn chế hoặc tước bỏ một số quyền của người phạm tội, bao gồm các quyền rất thiết thân như quyền sống, các quyền tự do cơ bản của con người.

Thứ hai, sau khi công nhận các quyền con người, Hiến pháp bảo vệ quyền con người bằng cách nghiêm cấm vi phạm các quyền này.¹³ Chẳng hạn, để bảo vệ quyền sống, Hiến pháp quy định: “Không ai bị tước đoạt tính mạng trái luật” (Điều 19), hoặc để bảo vệ quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền được bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm, Hiến pháp nêu rõ: “Mọi người... không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm” (Điều 20), “Nghiêm cấm các hành vi đe dọa cuộc sống, sức khỏe của người khác và cộng đồng” (Điều 38). Việc vi phạm những điều Hiến pháp nghiêm cấm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Thứ ba, Hiến pháp bảo vệ quyền con người bằng cách nêu rõ một số ít các trường hợp mà các quyền này bị giới hạn chỉ là ngoại lệ và phải đáp ứng các điều kiện chặt chẽ nêu trong Hiến pháp.¹⁴ Ví dụ, sau khi công nhận quyền bất khả xâm phạm về thân thể (khoản 1 Điều 20), Hiến pháp quy định: “Việc bắt, giam giữ người do luật định” (khoản 2 Điều 20). Hoặc, sau khi công nhận quyền sở hữu (khoản 1, 2 Điều 22), Hiến pháp nêu: “Trường hợp thật cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh hoặc vì lợi ích quốc gia, tình trạng khẩn cấp, phòng chống thiên tai, Nhà nước trưng mua hoặc trưng dụng có bồi thường tài sản của tổ chức, cá nhân theo giá thị trường” (khoản 3 Điều 22). Các hành vi không tuân thủ điều kiện ngoại lệ là vi phạm quyền con người và bị xử lý theo pháp luật, ví dụ: hành vi lấy tài sản của người khác không thuộc các trường hợp trưng mua, trưng dụng có bồi thường có thể phạm vào các tội xâm phạm sở hữu quy định tại Bộ luật Hình sự.

12 Điều 4, 5 của Công ước quốc tế về quyền kinh tế, văn hóa, xã hội năm 1996.

13 M. Cheif Bassiouni, “Human Rights in the Context of Criminal Justice: Identifying International Procedural Protections and Equivalent Protections in National Constitutions”, *Duke Journal of Comparative & International Law*, Vol. 3, No. 235, 1993, tr. 262.

14 Như trên.

Thứ tư, Hiến pháp năm 2013 trực tiếp bảo vệ các quyền con người đặc thù trong lĩnh vực TPHS. Điều 31 của Hiến pháp năm 2013 được coi là điều luật tập trung nhất về các quyền con người trong lĩnh vực TPHS, bao gồm quyền được suy đoán vô tội; quyền được xét xử kịp thời, công bằng, công khai; quyền được xét xử kín; quyền không bị kết án hai lần vì một tội phạm; quyền bào chữa; quyền được bồi thường thiệt hại khi bị bắt, giữ, giam, truy cứu trách nhiệm hình sự, xét xử và thi hành án trái pháp luật.

Cách tiếp cận trực tiếp này phù hợp với xu hướng của Hiến pháp các nước và chuẩn mực quốc tế về quyền con người. Đáng chú ý, so với Hiến pháp năm 1992, Hiến pháp năm 2013 lần đầu tiên công nhận “quyền không bị kết án hai lần vì một tội phạm” (khoản 3 Điều 31). Bên cạnh đó, Hiến pháp năm 2013 bảo vệ tốt hơn quyền suy đoán vô tội của người bị buộc tội thông qua quyền được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật (khoản 1 Điều 31). Hiến pháp năm 2013 cũng bảo vệ tốt hơn quyền bào chữa của người bị buộc tội thông qua việc mở rộng quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa cho người bị bắt (khoản 4 Điều 31), trước đây chỉ có người bị tạm giữ, bị can, bị cáo mới có quyền này. Đồng thời, Hiến pháp năm 2013 bảo vệ tốt hơn quyền bất khả xâm phạm về thân thể của con người thông qua việc bổ sung quyền không bị tra tấn, bạo lực hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm (khoản 1 Điều 20).

2. Những hạn chế trong quy định của Hiến pháp năm 2013 về bảo vệ các quyền con người trong lĩnh vực tư pháp hình sự và kiến nghị

So với Hiến pháp năm 1992, Hiến pháp năm 2013 đã bảo vệ rõ nét hơn các quyền con người nói chung và quyền con người trong lĩnh vực TPHS nói riêng. Tuy nhiên, một số quy định của Hiến pháp năm 2013 về bảo vệ quyền con người cần được sửa đổi, bổ sung để phù hợp hơn với chuẩn mực quốc tế và bảo đảm tính logic trong kỹ thuật lập pháp.

2.1 Hạn chế trong quy định về những hành vi bị nghiêm cấm

Nhiều điều của Hiến pháp khi công nhận quyền đều kèm theo quy định về những hành vi bị nghiêm cấm để bảo vệ các quyền đã công nhận. Tuy nhiên, vẫn có một số quy định của Hiến pháp chỉ ghi nhận quyền mà không đề cập việc cấm vi phạm. Sự thiếu thống nhất này dẫn đến câu hỏi: tại sao Hiến pháp nghiêm cấm hành vi vi phạm các quyền này nhưng không nghiêm cấm những hành vi vi phạm các quyền khác? Ví dụ, đối với các quyền con người sau đây, Hiến pháp không có điều

khoản về nghiêm cấm vi phạm: quyền bầu cử, quyền ứng cử (Điều 27), quyền tham gia quản lý Nhà nước (Điều 28) và quyền biểu quyết khi trưng cầu dân ý (Điều 29). Trong khi đó, để bảo vệ các quyền đã nêu, Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định những hành vi vi phạm là tội phạm, ví dụ: Tội xâm phạm quyền của công dân về bầu cử, ứng cử hoặc biểu quyết khi nhà nước trưng cầu ý dân, Tội làm sai kết quả bầu cử, kết quả trưng cầu ý dân.¹⁵

Vì vậy, chúng tôi đề xuất hoàn thiện kỹ thuật lập hiến để bảo đảm tính thống nhất. Cụ thể, cần bổ sung vào Điều 14 của Hiến pháp năm 2013 nội dung: “Nghiêm cấm các hành vi vi phạm quyền con người được công nhận trong Hiến pháp và pháp luật”. Đồng thời, các điều khoản cụ thể đang quy định về các hành vi bị nghiêm cấm cần được rà soát lại để tránh trùng lặp. Nếu điều khoản cụ thể không chuyển tải thêm nội dung nào thì có thể xóa bỏ. Những điều khoản cụ thể có bổ sung thêm nội dung so với việc ghi nhận quyền thì cần giữ lại. Ví dụ, Điều 16 của Hiến pháp năm 2013 quy định:

“1. Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật.

Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội.”

Nội dung của khoản 2 Điều 16 bổ sung cho khoản 1, vì vậy cần giữ lại. Mặt khác, trong ví dụ sau tại Điều 24 của Hiến pháp năm 2013:

“1. Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật.

2. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

3. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật.”

Phần đầu của khoản 3 không chuyển tải nội dung mới, vì vậy khi đã bổ sung nguyên tắc chung, thì phần này cần đưa ra khỏi điều luật. Ngoài ra, khoản 2 về việc tôn trọng và bảo hộ quyền cũng đã được nêu trong nguyên tắc chung tại Điều 14. Nếu mỗi điều luật đều lặp lại nội dung này thì tạo ra sự “cồng kềnh” không cần thiết, thiếu khoa học. Vì vậy, Điều 24 của Hiến pháp năm 2013 có thể sửa lại như sau:

“1. Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật.

Không ai được lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật.”

2.2. Hạn chế trong quy định về những quyền đặc thù trong lĩnh vực tu pháp hình sự

Đối với các quyền đặc thù trong lĩnh vực TPHS, Hiến pháp năm 2013 vẫn chưa công nhận một số quyền quan trọng của người bị buộc

15 Điều 157, 160 và 161 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

tội như quyền không bị áp dụng hồi tố, quyền được thông tin về việc buộc tội, quyền được chỉ định người bào chữa, quyền không bị buộc làm chứng chống lại chính mình hoặc nhận mình có tội. Những quyền này là điều kiện tối thiểu để người bị buộc tội có thể tự bảo vệ mình trước nguy cơ xâm phạm quyền từ hoạt động tố tụng của các cơ quan có thẩm quyền. So sánh với các chuẩn mực quốc tế và Hiến pháp của nhiều quốc gia, chúng tôi kiến nghị bổ sung vào Hiến pháp nước ta các quyền này.

2.2.1. Quyền không bị áp dụng hồi tố (*the right to be protected from ex post facto law*)

“Không có tội phạm, không có hình phạt, nếu không có luật” (*“Nullum crimen, nulla poena, sine lege”*) là nguyên tắc quan trọng trong lĩnh vực TPHS. Đây là quyền con người rất cơ bản và quan trọng,¹⁶ bởi lẽ các chế tài hình sự là các chế tài pháp lý nghiêm khắc nhất, có thể tước bỏ các tự do cơ bản và quyền sống của con người, việc kết án và áp dụng hình phạt tùy tiện khi không có luật hoặc áp dụng hồi tố sẽ vi phạm nghiêm trọng quyền con người. Nội dung này đã được ghi nhận tại Điều 11(2) của Tuyên ngôn nhân quyền thế giới năm 1948 (*Universal Declaration of Human Rights, UDHR*) và pháp điển hóa tại Điều 15 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 (*International Covenant on Civil and Political Rights, ICCPR*). Với quy định này, luật được áp dụng để xử lý tội phạm là luật đang có hiệu lực vào thời điểm thực hiện tội phạm. Những quyền này cũng được ghi nhận tại “Các nguyên tắc chung của hình sự” của Công ước Rome năm 1998 về Tòa án hình sự quốc tế.¹⁷

Theo nghiên cứu của Giáo sư Bassiouni, các quyền này được ghi nhận trong Hiến pháp của 96 quốc gia trong tổng số 139 quốc gia được khảo sát.¹⁸ Đơn cử, Điều 54 của Hiến pháp ban hành năm 1993 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) của Liên bang Nga quy định: “1. Đạo luật thiết lập hoặc làm tăng nặng trách nhiệm không có hiệu lực hồi tố. 2. Không ai phải chịu trách nhiệm pháp lý về hành vi mà tại thời điểm thực hiện nó không bị coi là vi phạm pháp luật. Nếu sau khi hành vi vi phạm được thực hiện mà có luật mới bãi bỏ hoặc giảm nhẹ trách nhiệm, luật mới được áp dụng.”¹⁹ Hiến pháp Liên bang Nga mở rộng nguyên tắc nêu trong ICCPR đến các hành vi vi phạm pháp luật, có nghĩa là: “không có vi phạm pháp luật, không có trách nhiệm pháp lý, nếu

16 Ben Douglas-Jones KC, Daniel Bunting, Paul Mason, Benjamin Newton, *Human Rights in Criminal Law*, Bloomsbury Publishing, 2023, tr. 427-428.

17 Điều 22 và 23 Quy chế Rome năm 1998, xem thêm Điều 112-1 của BLHS Cộng hòa Pháp, Điều 3 của BLHS Cộng hòa nhân dân Trung Quốc, Điều 9(1) của BLHS Liên bang Nga.

18 M. Chef Bassiouni, *tdđ*, tr. 291.

19 Hiến pháp Liên bang Nga ban hành năm 1993 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

không có luật”. Điều 3 khoản 9 Điều 1 Hiến pháp Hoa Kỳ năm 1788 quy định: “Không một đạo luật nào tổn hại tới quyền tự do của người dân và không một đạo luật hồi tố nào có thể được thông qua.” Điều 11 Phần VI Hiến pháp Singapore năm 1983 (sửa đổi năm 2021) quy định: “Không ai bị trừng phạt vì một hành động hoặc không hành động mà hành động hoặc không hành động đó không bị pháp luật trừng phạt ở thời điểm hành động hoặc không hành động đó được làm hay được thực hiện, và không ai phải chịu hình phạt nặng hơn so với hình phạt được pháp luật quy định đối với một tội phạm ở thời điểm tội phạm đó được thực hiện.”

Tham khảo Hiến pháp của các nước và căn cứ vào các chuẩn mực quốc tế về quyền con người, Hiến pháp Việt Nam cần công nhận quyền của cá nhân đối với các vấn đề sau: (i) luật áp dụng để xử lý tội phạm và xác định trách nhiệm hình sự là luật có hiệu lực vào thời điểm thực hiện hành vi phạm tội; (ii) luật quy định về tội phạm và trách nhiệm hình sự không có hiệu lực hồi tố; (iii) luật quy định về tội phạm và trách nhiệm hình sự chỉ có hiệu lực hồi tố khi có lợi hơn cho người phạm tội. Vì vậy, Điều 31 của Hiến pháp năm 2013 cần bổ sung điều khoản sau: “1. Không ai phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mà tại thời điểm thực hiện nó không bị coi là tội phạm và không ai phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn trách nhiệm hình sự quy định tại thời điểm thực hiện tội phạm. 2. Luật quy định về tội phạm và trách nhiệm hình sự không có hiệu lực hồi tố. 3. Nếu sau khi tội phạm được thực hiện mà có luật mới bãi bỏ hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, luật mới được áp dụng”.

2.2.2. Quyền được thông tin về việc buộc tội (*the right to be informed of the accusation*)

Quyền được thông tin của người bị buộc tội là quyền cơ bản của con người, là chìa khóa để đảm bảo các quyền khác của người bị buộc tội trong quá trình tham gia tố tụng, đặc biệt là quyền bào chữa.²⁰ Quyền được thông tin về việc buộc tội bao gồm hai nội dung: một là quyền để nhận thông tin ngay lập tức hoặc ít nhất là đủ sớm trong quá trình tố tụng đối với các cáo buộc chống lại họ; hai là khi những thông tin được cung cấp, việc buộc tội không thể thay đổi trừ khi có việc cung cấp thông tin mới và có đủ thời gian để người bào chữa chuẩn bị việc bào chữa.²¹

Quyền được thông tin về việc buộc tội đã được ghi nhận rất sớm trong các văn bản pháp lý quốc tế. Cụ thể, Điều 14.3(a) của ICCPR, Điều 6.3(a) của ước Châu Âu về bảo vệ quyền con người và các quyền

20 Harris, D., O’Boyle, M., and Warbrick, C., *Law of the European Convention on Human Rights*, London Butterworths Publishers, 1995, tr. 113.

21 Stefan Trechsel, Sarah J. Summers, *Human Right in Criminal Proceedings*, Oxford Publisher, 2005, tr. 195.

tự do cơ bản (*European Convention on Human Rights*, ECHR) quy định: “Đảm bảo người bị buộc tội có quyền được thông báo không chậm trễ và chi tiết bằng một ngôn ngữ có thể hiểu về bản chất và lý do bị buộc tội”. Điều 8.2(b) của Công ước châu Mỹ về nhân quyền (*American Convention on Human Rights*, ACHR) quy định: “Người bị buộc tội có quyền được thông báo chi tiết về các cáo buộc chống lại mình”. Từ sau khi những Công ước quốc tế chính thức ghi nhận, quyền được thông tin của người bị buộc tội nhanh chóng được ít nhất 47 quốc gia trên thế giới tiếp thu và quy định trong Hiến pháp.²² Đây là một con số ấn tượng chứng minh cho tầm quan trọng của việc công nhận quyền con người cơ bản này, tạo nền tảng pháp lý cho các quy định cụ thể trong luật tố tụng hình sự.

Hiện nay Hiến pháp năm 2013 chỉ quy định “công dân” có quyền tiếp cận thông tin, việc thực hiện quyền này do pháp luật quy định (Điều 25). Quyền tiếp cận thông tin là một khái niệm rộng, bao quát ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Trong khi đó, quyền tiếp cận thông tin của người bị buộc tội có yếu tố đặc thù hơn, nổi bật là quyền được thông tin về lý do bị buộc tội. Vì lẽ đó, Hiến pháp năm 2013 cần bổ sung quy định về quyền này trong nhóm quyền của người bị buộc tội với nội dung: “Người bị buộc tội có quyền được thông báo không chậm trễ về lý do bị buộc tội”. Một số quốc gia trên thế giới ghi nhận đồng thời quyền chung của công dân (quyền tiếp cận thông tin) và quyền đặc thù của người bị buộc tội (quyền được thông tin về lý do bị buộc tội) trong Hiến pháp quốc gia, điển hình như Cộng hòa Ba Lan,²³ Canada²⁴... Việc tiếp thu quy định tương tự vào Hiến pháp năm 2013 sẽ càng đề cao quyền con người trong lĩnh vực tư pháp hình sự.

2.2.3. Quyền được chỉ định người bào chữa (*the right to appointment of counsel*)

Quyền bào chữa của người bị buộc tội nói chung được quy định trong một số văn bản pháp lý quốc tế như Điều 11(1) của UDHR, Điều 14.3(d) của ICCPR và Điều 6.3 của ECHR. Nội dung quyền bào chữa của người bị buộc tội bao gồm quyền tự bào chữa, quyền có người bào chữa theo sự lựa chọn của mình, quyền được chỉ định người bào chữa. Quyền được chỉ định người bào chữa có thể được áp dụng khác nhau ở các quốc gia tùy vào mô hình tố tụng và điều kiện của quốc gia đó, được quy định ngay trong Hiến pháp quốc gia và thường theo hai cách thức:

Thứ nhất, khi người bị buộc tội không thể tự bào chữa hoặc không có tiền thuê luật sư thì cơ quan có thẩm quyền phải chỉ định luật sư bào

22 M. Cheif Bassiouni, *ltd*, tr. 277.

23 Điều 41.3 và 49 của Hiến pháp Ba Lan năm 1992.

24 Điều 2(b) và 10(a) của Hiến pháp Canada năm 1982.

chữa cho họ.²⁵ Những quốc gia tồn tại quy định này chủ yếu theo mô hình tranh tụng và sự có mặt của người bào chữa trong quá trình tố tụng gần như là yêu cầu bắt buộc để quá trình tranh tụng đạt hiệu quả. Hơn nữa, dựa vào số lượng luật sư của quốc gia, điều kiện chi trả chi phí cho luật sư cũng cho phép quốc gia thực hiện tốt việc chỉ định người bào chữa. *Thứ hai*, việc chỉ định người bào chữa cho người bị buộc tội chỉ được thực hiện trong một số trường hợp luật định. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ đề cập đến cách thức thứ hai của quyền được chỉ định người bào chữa.

Qua tham khảo Hiến pháp một số quốc gia trên thế giới, chúng tôi nhận thấy các quốc gia này đã có quy định về quyền được chỉ định người bào chữa trong một số trường hợp luật định. Điều 48 của Hiến pháp Liên Bang Nga quy định về quyền trợ giúp pháp lý với nội hàm rộng hơn quyền được chỉ định bào chữa trong tố tụng hình sự: “Mọi người được đảm bảo quyền được trợ giúp pháp lý có trình độ. Trong các trường hợp được pháp luật quy định, trợ giúp pháp lý sẽ được cung cấp miễn phí.” của khoản 4 Điều 12 của Hiến pháp Hàn Quốc quy định: “Bất kỳ người nào bị bắt hoặc bị giam giữ có quyền nhanh chóng có luật sư tư vấn. Khi một bị cáo không thể tự bào chữa, Nhà nước sẽ chỉ định luật sư cho bị cáo theo quy định của pháp luật.”

Việt Nam, với mô hình tố tụng thẩm vấn có kết hợp những hạt nhân hợp lý của tranh tụng và là một quốc gia đang phát triển, việc ghi nhận quyền được chỉ định người bào chữa của người bị buộc tội theo cách thức thứ hai là phù hợp. Tuy vậy, hiện nay khoản 4 Điều 31 của Hiến pháp năm 2013 chưa khẳng định quyền được chỉ định người bào chữa. Do vậy, Hiến pháp năm 2013 cần bổ sung nội hàm của quyền này vào quy định về quyền bào chữa hiện có (bởi lẽ hiện nay các quyền này đã được công nhận và thực hiện trong thực tế tố tụng hình sự),²⁶ cụ thể với điều khoản: “Người bị giữ, bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa, *được chỉ định người bào chữa theo quy định của pháp luật*”.

2.2.4. *Quyền không bị buộc làm chứng chống lại chính mình hoặc nhận mình có tội (Right not to be compelled to testify against himself or to confess guilt)*

Quyền không bị buộc làm chứng chống lại chính mình hoặc nhận mình có tội được ghi nhận trong một số văn bản pháp lý quốc tế như Điều 14.3g của ICCPR, Điều 8.2g và 8.3 của ACHR, Quy tắc số 21 của Bộ quy tắc bảo vệ mọi người dưới mọi hình thức giam giữ hoặc tù

25 Điều 37 Hiến pháp Nhật Bản năm 1946, Điều 6.3.3 Hiến pháp Anh.

26 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

có thời hạn. Dù quyền này không được đề cập cụ thể tại Điều 6 của ECHR, Tòa án nhân quyền Châu Âu đã tuyên bố đây là tiêu chuẩn quốc tế được công nhận, nằm ở trung tâm của khái niệm về thủ tục công bằng theo Điều 6 của ECHR.²⁷ Quyền này bao gồm hai nội dung: người bị buộc tội không bị buộc làm chứng chống lại chính mình (cho phép một người từ chối trả lời bất kỳ câu hỏi nào hoặc xuất trình bất kỳ tài liệu hoặc đồ vật nào có xu hướng khiến người đó bị kết tội),²⁸ và người bị buộc tội không bị buộc phải nhận tội. Các thuật ngữ “làm chứng” (*testify*) hay “làm nhân chứng” (*be a witness*) được đánh giá chỉ là sự khác biệt về văn phong.²⁹

Trong Hiến pháp của các quốc gia, “quyền không bị buộc làm chứng chống lại chính mình hoặc nhận mình có tội” được quy định như một trong các quyền con người cơ bản, ví dụ như tại Khoản 2 Điều 49 và khoản 1 Điều 51 của Hiến pháp Cộng Hòa Liên Bang Nga hay chính án số 05 Hiến pháp Hoa Kỳ. Tại Việt Nam, hiện nay Hiến pháp năm 2013 vẫn chưa công nhận người bị buộc tội có “quyền không bị buộc làm chứng chống lại chính mình hoặc nhận mình có tội”. Trong khi đó, theo nhận định của Ủy Ban nhân quyền, quyền chống lại sự tự buộc tội có tầm quan trọng tương tự như quyền suy đoán vô tội, là một trong những khía cạnh cơ bản nhất của quyền được xét xử công bằng.³⁰ Do vậy, ba quyền này không thể tách rời³¹ và cần được quy định minh thị ngay trong Hiến pháp, cần bổ sung “quyền không bị buộc làm chứng chống lại chính mình hoặc nhận mình có tội” vào Điều 31 của Hiến pháp năm 2013.

Kết luận

Hiến pháp năm 2013 bảo vệ quyền con người trong lĩnh vực TPHS bằng nhiều cách thức khác nhau, trong đó có việc công nhận trực tiếp các quyền con người trong lĩnh vực này và nghiêm cấm sự vi phạm. Việc Hiến pháp Việt Nam bảo vệ trực tiếp các quyền con người trong lĩnh vực TPHS phù hợp với các chuẩn mực quốc tế về nhân quyền và tương tự với Hiến pháp của nhiều nước. Dù vậy, Hiến pháp năm 2013 vẫn chưa ghi nhận một số quyền con người cơ bản, nền tảng trong

27 European Court of Human Right, “Guide on Article 6 of the European Convention on Human Rights (Updated on 31 August 2022)”, tr. 41, <https://www.echr.coe.int/documents/d/echr/guideart6criminaleng>, truy cập ngày 24/12/2023.

28 The Australian Law Reform Commission (ALRC), Interim report 2015: Traditional Rights and Freedoms— Encroachments by Commonwealth Laws, <https://www.alrc.gov.au/wp-content/uploads/2019/08/alrc127interimreport.pdf>, truy cập ngày 20/12/2023.

29 Stefan Trechsel, Sarah J.Summers, *ltd*, tr. 341.

30 *K v. Australia*, đoạn 49, [https://hudoc.echr.coe.int/eng#{"itemid":\["001-45556"\]}](https://hudoc.echr.coe.int/eng#{), truy cập ngày 20/12/2023.

31 Stefan Trechsel, Sarah J.Summers, *ltd*, tr. 341.

lĩnh vực TPHS. Chính vì vậy, các tác giả đề xuất hoàn thiện kỹ thuật lập hiến và bổ sung một số quyền con người rất cơ bản trong lĩnh vực TPHS như đã nêu trên. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] *K v. Australia*, [https://hudoc.echr.coe.int/eng#{"itemid":\["001-45556"\]}](https://hudoc.echr.coe.int/eng#{), accessed on 20/12/2023
- [2] Lê Văn Cẩm, “Những vấn đề chung về bảo vệ quyền con người bằng pháp luật trong lĩnh vực tư pháp hình sự”, *Tạp chí Khoa học Pháp lý*, số 6, 2010 [trans: Le Van Cam, “General Issues on Protecting Human Rights through Law in the Field of Criminal Justice”, *Vietnamese Journal of Legal Sciences*, Vol. 6, 2010]
- [3] Council of Europe, “Criminal Justice Reform”, <https://www.coe.int/en/web/national-implementation/thematic-work/criminal-justice-reform>, accessed on 12/12/2023
- [4] M. Cheif Bassiouni, “Human Rights in the Context of Criminal Justice: Identifying International Procedural Protections and Equivalent Protections in National Constitutions”, *Duke Journal of Comparative & International Law*, Vol. 3:235, 1993
- [5] Ben Douglas-Jones KC, Daniel Bunting, Paul Mason, Benjamin Newton, *Human Rights in Criminal Law*, Bloomsbury Publishing, 2023.
- [6] Nguyễn Đăng Dung, Phạm Hồng Thái, Vũ Công Giao, Lê Khánh Tùng, *Hỏi đáp về quyền con người*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội [trans: Nguyen Dang Dung, Pham Hong Thai, Vu Cong Giao, La Khanh Tung, *Questions and answers on Human Rights*, National University of Hanoi Publishing House]
- [7] Nguyễn Đăng Dung, Vũ Công Giao, Lê Khánh Tùng, *Giáo trình lý luận và pháp luật về quyền con người*, Nxb. Chính trị quốc gia [trans: Nguyen Dang Dung, Vu Cong Giao, La Khanh Tung, *Textbook on Theory and Law of Human Rights*, National Political Publishing House]
- [8] Nguyễn Khắc Hải, “Quyền con người trong tư pháp hình sự”, *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, số 6(351), 2021 [trans: Nguyen Khac Hai, “Human Rights in Criminal Justice”, *Democracy and Law Journal*, Vol. 6(351), 2021]
- [9] Trần Ngọc Hải, “Quyền con người trong tư pháp hình sự”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, số 6(351), 2021 [trans: Tran Ngoc Hai, “Human Rights in Criminal Justice”, *Democracy and Law Journal*, Vol. 6(351), 2021]
- [10] Harris D., O’ Boyle M., and Warbrick C., *Law of the European Convention on Human Rights*, London Butterworths Publishing, 1995
- [11] Nguyễn Thị Phương Hoa, Lê Huỳnh Tấn Duy (Chủ biên), *Tư pháp hình sự đối với người chưa thành niên*, Nxb. Công an nhân dân, 2022 [trans: Nguyen Thi Phuong Hoa, Le Huynh Tan Duy (editors), *Criminal Justice for Minors*, People’s Public Security Publishing House, 2022]
- [12] Chaudhary Shruti, “Indian Criminal Justice System and Human Rights”, *International Journal of Advance Research and Development*, Vol. 3, Iss. 1, 2018
- [13] Larry J. Siegel, John L. Worrall, *Introduction to Criminal Justice* (13th Edition), Wadworth Cengage Learning Publishing, 2012
- [14] Phạm Hồng Thái và Nguyễn Thị Thu Hương, “Bảo đảm, bảo vệ quyền con người quyền công dân trong pháp luật hành chính Việt Nam (Một số vấn đề có tính phương pháp luận định hướng nghiên cứu)”, *Tạp chí Luật học*, số 28, 2012 [trans: Pham Hong Thai and Nguyen Thi Thu Huong, “Ensuring and Protecting Human and Citizens’ Rights in Vietnamese Administrative Law (Some Methodological Issues for Research Guiding)”, *Jurisprudence Journal*, Vol. 28, 2012]
- [15] The Australian Law Reform Commission (ALRC), “Interim report 2015: Traditional Rights and Freedoms— Encroachments by Commonwealth Laws”
- [16] Stefan Trechsel, Sarah J. Summers, *Human Right in Criminal Proceedings*, Oxford Publishing, 2005